TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HN&GĐ-ST
Ngày: 06/02/2026
V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh
Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ái Thương và bà Hứa Thị Hương
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Quách Thị Nên - Kiểm sát viên

Ngày 06/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 160/2025/TLST-HN&GĐ ngày 02/10/2025 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXX-ST ngày 21/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

Số CCCD: 022195001974 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/8/2022.

Địa chỉ: Khu E, phường N, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Trương Trọng N, sinh năm 1994

Số CCCD: 030094018096 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ: Khu E, phường N, thành phố Hải Phòng.

(*Chị H, anh N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trương Trọng N được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N - thành phố Hải Phòng) vào ngày 09/3/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không chịu làm ăn, không tôn trọng chị H, thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị. Không những thế anh N còn chửi bới các con làm ảnh hưởng đến tinh thần của các cháu. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Trương Trọng N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là: Trương Thị Kim N1 – sinh ngày 20/10/2020, cháu Trương Bảo N2 – sinh ngày 08/01/2023. Hiện tại cả hai con chung đang ở cùng chị H. Chị H có quan điểm xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày và đề nghị, anh N trình bày như sau: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Toà án. Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại ủy ban nhân dân phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là ủy ban nhân dân phường N, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung Trương Thị Kim N1 – sinh ngày 20/10/2020 và Trương Bảo N2 – sinh ngày 08/01/2023. Anh có quan điểm giao cả hai con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung khi anh có điều kiện.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai của bà Hoàng Thị L (là mẹ đẻ chị H) trình bày: Chị H kết hôn với anh Trương Trọng N. Trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên chị H đã làm đơn ly hôn và về gia đình bà sinh sống. Chị H xin ly hôn anh N, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Trương Thị Kim N1 và Trương Bảo N2. Hiện nay các con chung và chị H đang chung sống với gia đình bà. Nếu chị H được nuôi cả hai con chung, bà sẽ hỗ trợ chị H về nơi ở và chăm sóc con chung giúp chị H khi chị H đi làm.

Tại phiên tòa:

Chị H, anh N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trương Trọng N. Về con chung: Giao hai con chung Trương Thị Kim N1 – sinh ngày 20/10/2020 và Trương Bảo N2 – sinh ngày 08/01/2023 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con chung cùng chị H mỗi tháng, mỗi cháu là 1.500.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu xin ly hôn anh Trương Trọng N và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh N có nơi cư trú tại Khu E, phường N, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Trọng N vắng mặt tại phiên toà và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Trọng N kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị H thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến

mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh Nghĩa L1 do anh chị trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị H kiên quyết xin ly hôn anh N, anh N đồng ý ly hôn với chị H. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H xin được ly hôn anh Trương Trọng Nghĩa L1 phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H, anh N có 02 con chung: Trương Thị Kim N1 – sinh ngày 20/10/2020 và Trương Bảo N2 – sinh ngày 08/01/2023. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi hai con và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi con chung là 1.500.000 đồng (hai con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng) đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy chị H có công việc và thu nhập ổn định, gia đình chị H luôn tạo điều kiện cho mẹ con chị H nếu chị được nuôi con. Anh N cũng nhất trí để chị H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Do vậy để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn về cuộc sống của con chung nên cần giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N hiện tại đi làm công ty có thu nhập, chị H thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng, do vậy để đảm bảo việc nuôi dưỡng cả hai con chung của chị H và đảm bảo cuộc sống tốt cho các con chung cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi hai con chung. Do vậy buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi cả hai con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng/ 1 cháu, kể từ tháng 02/2026 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H có đơn xin ly hôn nên chị H phải nộp án phí theo quy định. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trương Trọng N.

2. Về con chung: Giao hai con chung: Trương Thị Kim N1 – sinh ngày 20/10/2020 và Trương Bảo N2 – sinh ngày 08/01/2023 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con chung cùng chị H mỗi tháng, mỗi con chung là 1.500.000 (*một triệu năm trăm nghìn*) đồng, kể từ tháng 02 năm 2026 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng nêu trên thì anh N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số 0002635 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí. Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị H, anh N. Chị H, anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- UBND phường Nhị Chiểu, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh